TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2025**/HNGĐ-ST
Ngày **08-10-2025**
Về việc"Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Cẩm L** - sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp X, xã G, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N** - sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

(vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Cẩm L trình bày:**

Chị Dương Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn N tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến tổ chức cưới vào năm 2022, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) ngày 14/4/2023.

Lý do xin ly hôn: Sau kết hôn thì vợ chồng sống bên gia đình chồng tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị L cho rằng do anh N chơi cờ bạc đá gà, thường hay đi nhậu với bạn bè, về nhà kiếm chuyện chửi bới chị L , anh N ghen tuông vô cớ đòi chém giết chị L , vợ chồng không có tiếng nói chung, nói chuyện thường hay cự cãi, chị L có khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, tháng 02/2025 chị L về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Phú T , sinh ngày 25/10/2023. Hiện nay con đang sống với anh N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Chị L đồng ý giao con cho anh N nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Văn N để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Nguyễn Văn N vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N .

- *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao cháu Nguyễn Phú T , sinh ngày

25/10/2023 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Cẩm L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh N vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

Xét thấy, anh N chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh N vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 40, ngày 14/4/2023, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Cẩm L là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng do anh N chơi cờ bạc đá gà, thường hay đi nhậu với bạn bè, về nhà kiếm chuyện chửi bới chị L , anh N ghen tuông vô cớ đòi chém giết chị L , vợ chồng không có tiếng nói chung, nói chuyện thường hay cự cãi, chị L có khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, đến tháng 02/2025 chị L về nhà mẹ ruột sống cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị L thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị L và anh N hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Cẩm L và anh N chung sống có 01 người con tên Nguyễn Phú T , sinh ngày 25/10/2023.

Xét thấy, cháu T hiện đang sống với anh N, được anh N nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt. Tại phiên tòa, chị L đồng ý giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho anh N tiếp tục nuôi con là phù hợp, anh N không có ý kiến việc yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị Cẩm L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp anh N cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc Chị Cẩm L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Phú T , sinh ngày 25/10/2023. Chị Dương Thị Cẩm L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Dương Thị Cẩm L tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị Cẩm L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 70 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến